

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2019/DS-ST

Ngày: 13 – 8 – 2019

*V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Chí Tâm.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Danh On
2. Bà Nguyễn Thị Hiền

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Quách Văn Quy – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:* Bà Lê Huyền Mao – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 8 năm 2019 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử công khai vụ án thụ lý số: 57/2019/TLST-DS, ngày 15 tháng 3 năm 2019 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2019/QĐXXST-DS ngày 03/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Ngô Ru Đ**, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 156/10B, đường R, khóm 4, phường 5, thành phố B, tỉnh B1.

Bị đơn: Bà **Ngô Thị Nh**, sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp K, xã N, huyện H, tỉnh B

(Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không thông báo lý do, không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không người đại diện tham gia phiên tòa.)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Lời trình bày của bà Ngô Ru Đ trong đơn khởi kiện ngày 23/11/2018 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Tôi với bà Ngô Thị Nh là bạn bè với nhau nên những khi bà Nh gặp khó khăn là tôi cho bà mượn tiền mà không cần thế chấp hay lấy lãi. Vào ngày 10/3/2015 bà Nh mượn tôi 30.000.000 đồng có lập hợp đồng mượn và thỏa thuận thời hạn mượn là 11 tháng. Đến hạn trả tiền bà Nh không trả, tôi đòi nhiều lần bà Nh vẫn không trả mà còn cố tình tránh mặt tôi.

Nay tôi yêu cầu bà Nh trả tôi số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu bà Nh trả tiền lãi.

Ngoài ra, tôi không còn yêu cầu nào khác.

Bị đơn bà Ngô Thị Nh không có lời trình bày:

Bà Ngô Thị Nh có hộ khẩu thường trú tại ấp K, xã N, huyện H, tỉnh Bnhưng bà thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú. Đó đó, Tòa án không thu thập được lời khai của bà Nh.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì bị đơn bà Ngô Thị Nh không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án Kiểm sát viên đã nhận định và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Ru Đ. Buộc bà Ngô Thị Nh có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Ru Đ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Về án phí: Buộc bà Ngô Thị Nh phải chịu tòa bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 1.500.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về trình tự, thủ tục tố tụng

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Ngô Ru Đ khởi kiện yêu cầu bà Ngô Thị Nh trả tiền mượn nên căn cứ **khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự** Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về tranh chấp hợp đồng dân sự là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự và bị đơn cư trú tại huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân theo quy định tại **điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự**.

[3] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn chị Ngô Ru Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ **khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự** xét xử vắng mặt đối với chị Đ. Bị đơn bà Ngô Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không thông báo lý do cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ **điểm b,**

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà Nh.

[III] Về nội dung vụ án

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn xác định mình cho bị đơn mượn số tiền 30.000.000 đồng và bị đơn không trả nên khởi kiện đòi lại. Xét thấy, mục đích mượn tiền của bị đơn là để tiêu xài nên đây là quan hệ tranh chấp vay tài sản chứ không phải mượn tài sản như nguyên đơn xác định. Bởi vì, mượn tài sản thì phải trả lại đúng tài sản đã mượn. Do nguyên đơn và bị đơn không có thỏa thuận về việc trả lãi và nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền vay gốc mà không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên đây là hợp đồng vay không có lãi theo quy định tại **Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005**.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 30.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Cũng yêu cầu khởi kiện này chị Đ đã khởi kiện bà Nh tại Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân vào năm 2017 nhưng sau đó chị Đ rút lại toàn bộ yêu cầu khởi kiện. Khi đó Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thu thập được lời khai của bà Nh tại bản tự khai ngày 28/11/2017. Nay chị Đ khởi kiện lại và cung cấp cho Tòa án “HỢP ĐỒNG MƯỢN TIỀN” được lập vào ngày 10/3/2015. Đồng thời Tòa án cũng thu thập được bản tự khai ngày 28/11/2017 của người khai là bà Ngô Thị Nh. Lời khai của bà Nh tại bản tự khai nói trên thì bà Nh thừa nhận vào ngày 10/3/2015 bà có mượn của chị Đ 30.000.000 đồng không có lãi. Bà Nh đồng ý trả số tiền này cho chị Đ nhưng không có tiền trả đủ một lần mà yêu cầu được trả dần theo từng đợt.

Căn cứ vào “HỢP ĐỒNG MƯỢN TIỀN” cũng như lời khai nhận của bị đơn là đủ cơ sở xác định bị đơn có vay của nguyên đơn 30.000.000 đồng vào ngày 10/3/2015. Thời hạn vay là 11 tháng và các bên không thỏa thuận về việc trả lãi. Căn cứ **khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự** thì lời thừa nhận của bị đơn về việc vay 30.000.000 đồng của nguyên đơn theo bản tự khai ngày 28/11/2017 được xem là sự thật không cần phải chứng minh. Khi vay tiền các bên thỏa thuận thời hạn trả nợ là 11 tháng kể từ ngày vay nhưng đến nay là quá hạn trả nợ mà bà Nh không trả nên chị Đ khởi kiện yêu cầu bà Nh trả nợ là đúng. Do đó, yêu cầu trên của nguyên đơn là có đủ cơ sở chứng cứ và căn cứ pháp luật để chấp nhận. Vì vậy, cần áp dụng **khoản 1 Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005** buộc bà Nh có nghĩa vụ thanh toán cho chị Đ số tiền nợ vay là 30.000.000 đồng.

Về tiền lãi: Do nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi và các bên giao dịch cũng không thỏa thuận về việc trả lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tiền lãi.

[3] Xét thấy lời đề nghị của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu,

nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Ngô Thị Nh phải chịu tòa bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 1.500.000 đồng.

Chị Ngô Ru Đ không phải chịu án phí. Chị Ngô Ru Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (bảy trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006125 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự năm 2005;

- Áp dụng các Điều 2, 6, 7, 7a, 9 và Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Ngô Ru Đ yêu cầu bà Ngô Thị Nh trả số tiền 30.000.000 đồng.

Buộc bà Ngô Thị Nh có nghĩa vụ trả cho chị Ngô Ru Đ 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm số tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất với số tiền chậm thi hành án theo qui định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Buộc bà Ngô Thị Nh phải chịu tòa bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật là 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng).

Chị Ngô Ru Đ không phải chịu án phí. Chị Ngô Ru Đ được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 750.000 đồng (bảy trăm năm chục nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0006125 ngày 14 tháng 3 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân có quyền kháng nghị theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Chí Tâm

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA